

**CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/2026/CV-QLQ

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2026

V/v: Xin chậm nộp CBTT Báo cáo
tài chính kiểm toán năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần quản lý quỹ Quốc tế (Công ty QLQ) xin gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN), Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam (Sở GDCKVN), Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh (Sở GDCK TP.HCM) (Quý Cơ quan) lời chào trân trọng!

Theo qui định tại khoản 1, điều 10, Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán thì công ty đại chúng phải công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận trước ngày 31/03/2026. Công ty QLQ đã ký hợp đồng kiểm toán theo đúng quy định với Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn UHY (Công ty kiểm toán UHY). Tuy nhiên, ngày 30/03/2026, Công ty kiểm toán UHY có văn bản số 36/2026/UHY-CV gửi Công ty QLQ thông báo kiểm toán viên phụ trách công việc kiểm toán của công ty kiểm toán UHY tại công ty QLQ có công việc đột xuất vắng mặt nên chưa hoàn tất hồ sơ kiểm toán.

Do vậy, bằng văn bản này, Công ty Cổ phần QLQ kính đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM xem xét, cho phép gia hạn nộp và công bố báo cáo tài chính kiểm toán năm 2025 đến ngày 10/04/2026. Đồng thời, để đảm bảo tính minh bạch trong quản trị và giám sát, Công ty QLQ xin công bố thông tin bất thường Báo cáo tài chính năm 2025 của Công ty QLQ (Đính kèm công văn này).

Công ty Cổ phần quản lý quỹ Quốc tế Kính đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM xem xét, chấp thuận.

Trân trọng báo cáo!

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu VT.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

**CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ
QUỐC TẾ**



Trần Mỹ Linh

Số: 36 /2026/UHY - CV

V/v: Tiến độ hoàn thành Báo cáo tài chính IFCM

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2026

Kính gửi: Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Quốc tế

Thực hiện Hợp đồng dịch vụ kiểm toán và soát xét số 540/2025/UHY-HĐKT ngày 30/09/2025 giữa Công ty Cổ phần Quản lý quỹ Quốc tế (“IFCM”) và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY (“UHY”). UHY đã tiến hành soát xét thông tin tài chính giữa niên độ, kiểm toán Báo cáo tài chính và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Quốc tế.

Đến thời điểm hiện tại kiểm toán viên phụ trách công việc kiểm toán của chúng tôi tại Quý Công ty có công việc đột xuất vắng mặt, nên chưa hoàn tất hồ sơ kiểm toán. Chúng tôi sẽ sớm cử nhân sự bổ sung, phối hợp với quý Công ty để hoàn thành công việc trong thời gian sớm nhất.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu HC

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN
VÀ TƯ VẤN UHY
Phó Tổng Giám đốc**



Phạm Gia Đạt

**ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 46 - 48 Bà Triệu, phường Cửa Nam,
TP Hà Nội

Mẫu số B 01 - DN

(Ban hành theo Thông tư số
200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

(Áp dụng cho doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục)

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025
1	2	3	4
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.259.918.485
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		50.142.724.707
1. Tiền	111		342.724.707
2. Các khoản tương đương tiền	112		49.800.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		0
1. Chứng khoán kinh doanh	121		0
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		0
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		117.193.778
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		117.193.778
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		
IV. Hàng tồn kho	140		0
1. Hàng tồn kho	141		
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		0
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		0
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		0
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		0
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		0
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		0
6. Phải thu dài hạn khác	216		
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		0



[Handwritten signature]

II. Tài sản cố định	220		0
1. Tài sản cố định hữu hình	221		
- Nguyên giá	222		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		
- Nguyên giá	225		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		
3. Tài sản cố định vô hình	227		
- Nguyên giá	228		
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		
III. Bất động sản đầu tư	230		0
- Nguyên giá	231		0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		0
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		0
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		0
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		0
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		0
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		0
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0
VI. Tài sản dài hạn khác	260		0
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		0
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		
4. Tài sản dài hạn khác	268		
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		50.259.918.485
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		51.983.697
I. Nợ ngắn hạn	310		51.983.697
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		0
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		0
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		51.983.697
4. Phải trả người lao động	314		0
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		0
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		0
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		0
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		0
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		0
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		0
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		0
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		0
13. Quỹ bình ổn giá	323		0
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		0
II. Nợ dài hạn	330		0
1. Phải trả người bán dài hạn	331		0
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		0
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		0
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		0
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		0

6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		0
7. Phải trả dài hạn khác	337		0
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		0
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		0
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		0
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		0
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		0
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		0
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		50.207.934.788
I. Vốn chủ sở hữu	410		50.207.934.788
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		0
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		0
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		0
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		0
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		0
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		0
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		0
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		207.934.788
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		207.934.788
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		0
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0
1. Nguồn kinh phí	431		0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		50.259.918.485

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Trần Thị Thanh Bình

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Mỹ Linh



**ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ**

Địa chỉ: Số 46 - 48 Bà Triệu, phường Cửa
Nam, TP Hà Nội

Mẫu số B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/07/2025 đến 31/12/2025

Đơn vị tính: VNĐ

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025
1	2	3	4
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		-
4. Giá vốn hàng bán	11		-
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		568.477.809
7. Chi phí tài chính	22		-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-
8. Chi phí lương	24		264.105.552
9. Chi phí hoạt động			44.453.772
10. Nộp thuế cho NSNN			-
11. Thuê mặt bằng			-
12. Chi phí bán hàng	25		-
13. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		-
14. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24+25 + 26)}	30		259.918.485
15. Thu nhập khác	31		-
16. Chi phí khác	32		-
17. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-
18. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		259.918.485
19. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-
20. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		51.983.697
21. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		207.934.788
23. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		83

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Trần Thị Thanh Bình

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Mỹ Linh

**ĐƠN VỊ BÁO CÁO: CÔNG TY CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ QUỐC TẾ**

**Địa chỉ: Số 46 - 48 Bà Triệu, phường Cửa
Nam, TP Hà Nội**

Mẫu số B 03 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-
BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp) (*)


Tại ngày 31/12/2025

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	31/12/2025
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	1		259.918.485
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	2		
- Các khoản dự phòng	3		
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		
- Chi phí lãi vay	6		
- Các khoản điều chỉnh khác	7		
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		259.918.485
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		0
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		0
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		
- Tiền lãi vay đã trả	14		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-168.188.424
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		91.730.061
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		

5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		0
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
3. Tiền thu từ đi vay	33		
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		91.730.061
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		50.050.994.646
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		50.142.724.707

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Trần Thị Thanh Bình

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHÓ CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
QUẢN LÝ QUỸ
QUỐC TẾ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Trần Mỹ Linh